



THÔNG TƯ
Quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 05/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật);

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số 01/2012/UBTVQH13;

Căn cứ Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật số 03/2012/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, bao gồm: quy trình đề xuất, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền.

2. Việc xây dựng, ban hành thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực công thương phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định của Thông tư này.

3. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật và thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Vụ, Cục, Viện, Văn phòng Bộ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ); tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây

¹ Thông tư số 05/2026/TT-BCT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương.”

dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện.

2. Các Lãnh đạo Bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc đối với đơn vị chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo các công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ với cấp ủy của đơn vị trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Đơn vị chủ trì tham mưu, đề xuất, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cấp ủy Đảng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trong các thời điểm sau:

a) Đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội; lập đề xuất hoặc điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, trừ trường hợp thực hiện chỉ đạo tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Đề xuất nội dung xác định chính sách; trình Chính phủ thông qua chính sách đối với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

d) Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trừ trường hợp thực hiện chỉ đạo tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Hồ sơ trình nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thông qua chủ trương đối với việc đề xuất xây dựng thông tư, trừ trường hợp thực hiện chỉ đạo tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Hồ sơ thông tư trình Bộ trưởng ký ban hành;

e) Thông qua chủ trương đối với một số hoạt động khác có liên quan đến quá trình xây dựng, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Cấp ủy đơn vị chủ trì tham mưu, đề xuất, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm toàn diện với cấp ủy Đảng cấp trên về tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

6. Việc báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng tại Bộ Công Thương thực hiện theo quy định, quy chế, hướng dẫn của cấp ủy Đảng có thẩm quyền.

Điều 4. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong trường hợp đặc biệt

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật. Trong đó:

a) Hồ sơ thẩm định, thẩm tra, trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 51 của Luật;

b) Hồ sơ thẩm định, trình dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Hồ sơ thẩm định, trình dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm e khoản 19 Điều 1 và điểm b khoản 20 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

d) Hồ sơ thẩm định, trình dự thảo thông tư của Bộ trưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 17 và Điều 20 Thông tư này.

2. Trường hợp có căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc xây dựng và ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn.

3. Bộ trưởng tự mình hoặc theo đề nghị của đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành thông tư.

4. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Điều 52 của Luật; khoản 2, 3, 4 Điều 35 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Chương II

XÂY DỰNG LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5. Lập đề xuất về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Đơn vị thuộc Bộ chủ động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hoặc theo đề nghị của Vụ Pháp chế rà soát, nghiên cứu, gửi văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội đến Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp phải nêu rõ: tên luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc vấn đề cần nghiên cứu, rà soát; căn cứ, nội dung cần được nghiên cứu, rà soát, thể chế hóa; cơ quan chủ trì thực hiện; dự kiến thời hạn hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát và thời hạn cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nếu có).

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị thuộc Bộ, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ lập pháp mới, đơn vị đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi.

5. Trước ngày 01 tháng 01 của năm cuối nhiệm kỳ Quốc hội, Vụ Pháp chế có trách nhiệm chủ trì xây dựng Đề án, Kế hoạch tổng kết định hướng lập pháp nhiệm kỳ và xây dựng định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp trình Bộ trưởng ban hành. Trên cơ sở Đề án, Kế hoạch được Bộ trưởng phê duyệt, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ tổ chức thực hiện. Kết quả thực hiện là cơ sở thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 6. Lập đề xuất về Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Đơn vị thuộc Bộ gửi văn bản đề xuất xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đến Vụ Pháp chế để tổng hợp. Văn bản đề xuất nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua của từng luật, pháp lệnh, nghị quyết; tiến độ các công việc đã thực hiện (nếu có).

2. Vụ Pháp chế tổng hợp đề xuất của các đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng về nội dung văn bản đề xuất xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hằng năm để tổng hợp.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội, đơn vị lập đề xuất xây dựng tờ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với nội dung tờ trình đề xuất điều chỉnh.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị lập đề xuất có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện tờ trình đề xuất điều chỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng quyết định việc trình Chính phủ tờ trình đề xuất điều chỉnh.

Trường hợp Chính phủ thông qua nội dung điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, đơn vị lập đề xuất báo cáo Bộ trưởng về việc ký thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ đối với tờ trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm.

Điều 7. Xây dựng chính sách, trình Chính phủ thông qua chính sách

Việc thực hiện quy trình xây dựng chính sách trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật được thực hiện như sau:

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp chủ trì lập đề xuất xây dựng chính sách cho từng văn bản quy phạm pháp luật trong Định hướng, Chương trình quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai đơn vị thuộc Bộ trở lên hoặc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, đơn vị lập đề xuất chính sách đề xuất kế hoạch dự kiến xây dựng chính sách; báo cáo Bộ trưởng xem xét sự cần thiết thành lập Ban chỉ đạo hoặc Tổ công tác thực hiện việc xây dựng chính sách. Trường hợp Bộ trưởng quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ công tác thực hiện việc xây dựng chính sách, đơn vị lập đề xuất chính sách đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Ban chỉ đạo hoặc Tổ công tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.

3. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Ban chỉ đạo hoặc Tổ công tác quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất, kết quả đề xuất và đánh giá tác động chính sách do mình thực hiện hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

4. Đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách tự mình theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc thông qua Ban chỉ đạo hoặc Tổ Công tác quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện xác định chính sách theo quy định tại Điều 28 của Luật. Đơn vị chủ trì lập đề xuất báo cáo kết quả tổng hợp xác định chính sách trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này xem xét, chấp thuận chủ trương.

5. Trên cơ sở chấp thuận chủ trương quy định tại khoản 4 Điều này, việc thực hiện đánh giá chính sách trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các hoạt động sau:

a) Tổ chức đánh giá tác động chính sách theo quy định tại Điều 29 của Luật và Điều 14 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến về hồ sơ chính sách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Luật và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức hội nghị tham vấn chính sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật và khoản 1 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân, ý kiến của các tổ chức, cá nhân tại hội nghị tham vấn chính sách. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

e) Đơn vị chủ trì lập đề xuất chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức việc truyền thông chính sách từ thời điểm lấy ý kiến đến khi Chính phủ thông qua chính sách. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì lập đề xuất thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

6. Đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách trình Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ đề xuất chính sách quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật và điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

7. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách tổ chức việc nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ chính sách báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc trình Chính phủ.

8. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách tổ chức việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc trình Chính phủ.

9. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết định thông qua chính sách, đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để

tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách. Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản nội dung chính sách đã trình, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ trình, đơn vị lập đề xuất chính sách có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này Bộ trưởng xem xét, quyết định trước khi trình lại Chính phủ.

Hồ sơ chính sách trình Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

10. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ chính sách, đơn vị chủ trì lập đề xuất có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ chính sách theo quyết nghị của Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, thông qua làm cơ sở giao đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để quy phạm hóa chính sách.

Điều 8. Soạn thảo, gửi thẩm định và trình Chính phủ xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Việc thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Mục 3 Chương III của Luật được thực hiện như sau:

1. Bộ trưởng phân công đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách quy định tại Điều 7 Thông tư này là đơn vị chủ trì soạn thảo. Tùy tình hình thực tiễn, Bộ trưởng phân công đơn vị khác thuộc Bộ là đơn vị chủ trì soạn thảo.

2. Trường hợp thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Tổ soạn thảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.

3. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Tổ soạn thảo quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung do mình đề xuất hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

5. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức việc soạn thảo;

b) Lập hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật. Trong đó, dự thảo tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm b khoản này theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Luật và điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đối với văn bản đã được thông qua chính sách theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì không bắt buộc phải lấy ý kiến;

d) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có), gửi Vụ Pháp chế để đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết từ thời điểm xin ý kiến cho đến khi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

6. Đối với trường hợp trong quá trình soạn thảo phát sinh chính sách mới, đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

7. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật và điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

8. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng để trình Chính phủ.

Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự án luật, pháp

lệnh, nghị quyết làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để trình Chính phủ.

9. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự án theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách. Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung nội dung mới so với hồ sơ trình, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định trước khi trình lại Chính phủ.

Hồ sơ dự án trình Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

10. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Trên cơ sở quy định tại khoản 10 Điều 8 Thông tư này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật gửi cơ quan chủ trì thẩm tra theo phân công của Quốc hội, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để đăng tải hồ sơ dự án trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên Cổng Pháp luật quốc gia.

2. Khi nhận được yêu cầu tham gia phiên họp thẩm tra do cơ quan thẩm tra của Quốc hội triệu tập, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng phân công đại diện Lãnh đạo Bộ dự phiên họp thẩm tra.

3. Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lại hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do chưa đủ điều kiện trình theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 37 của Luật, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc giải trình, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ dự án để trình lại hoặc lùi thời điểm trình Quốc hội.

4. Trường hợp hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết chưa được sự thống nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc dự án có nội dung quan trọng, phức tạp cần có thêm thời gian để nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý theo quy định của khoản 5 Điều 38, điểm d khoản 7 Điều 40 của Luật, đơn vị chủ trì soạn thảo báo

cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lùi thời điểm trình Quốc hội hoặc trình lại.

Chương III

XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Mục 1

ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 10. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết và công bố văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục có hiệu lực

1. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình hoặc ban hành;

b) Gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản này đến Vụ Pháp chế trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua;

c) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ;

2. Đối với văn bản quy định chi tiết nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách để có thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, nghị quyết, quyết định đó được ký ban hành;

b) Tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách để có thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của thông tư giao

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư được ký ban hành;

c) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thi hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo; việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thi hành thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tổng hợp đề xuất của đơn vị, lập danh mục các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương quy định chi tiết, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo để thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công bố văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp văn bản đó tiếp tục có hiệu lực

Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP như sau:

a) Trình Bộ trưởng ban hành quyết định hành chính công bố toàn bộ hoặc một phần thông tư của Bộ trưởng quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật cấp của trên tiếp tục có hiệu lực;

b) Báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ ban hành nghị quyết hành chính công bố toàn bộ hoặc một phần nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong trường hợp văn bản đó tiếp tục có hiệu lực;

c) Báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định hành chính công bố toàn bộ hoặc một phần quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tiếp tục có hiệu lực.

Điều 11. Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Việc đăng ký xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Mục 2

XÂY DỰNG, TRÌNH BÀN HÀNH NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 12. Soạn thảo, gửi thẩm định và trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị định

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo văn bản.
2. Trường hợp thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Tổ soạn thảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.
3. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Tổ soạn thảo quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung do mình đề xuất hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.
4. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.
5. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:
 - a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản hoặc đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;
 - b) Tổ chức việc soạn thảo;
 - c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;
 - d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi Chính phủ ban hành nghị định. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

7. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

8. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo nghị định báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi báo cáo Bộ trưởng để trình Chính phủ.

9. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo văn bản đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

10. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính

phủ và các cơ quan có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự thảo theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách.

11. Đối với nghị định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật, trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị định hoặc xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành nghị định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản.

12. Trường hợp dự thảo nghị định được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định.

Trường hợp dự thảo nghị định chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản theo chỉ đạo của Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ nghị định đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 13. Soạn thảo, trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo văn bản.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

3. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ dự thảo văn bản bao gồm: tờ trình; dự thảo nghị quyết; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có). Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức lấy ý kiến đối với nội dung dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy

ý kiến đến khi Chính phủ ban hành nghị quyết. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

4. Trên cơ sở hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để trình Chính phủ.

5. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 14. Soạn thảo, thẩm định, trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo văn bản.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét sự cần thiết thành lập Tổ soạn thảo thực hiện việc soạn thảo văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trường hợp Lãnh đạo Bộ quyết định thành lập Tổ soạn thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Tổ soạn thảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.

3. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Tổ soạn thảo quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung do mình đề xuất hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

5. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản và đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi Chính phủ ban hành nghị quyết. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

6. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

7. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP báo

cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi báo cáo Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ và gửi Bộ Tư pháp.

8. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo văn bản đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để trình Chính phủ và gửi Bộ Tư pháp.

9. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 15. Soạn thảo, gửi thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo văn bản.

2. Trường hợp thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đơn vị chủ trì đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Tổ soạn thảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.

3. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Tổ soạn thảo quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung do mình đề xuất hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

5. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực các nội dung sau:

a) Tổng kết, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 18 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

6. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 19 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

7. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi báo cáo Bộ trưởng để trình Thủ

tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

8. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo quyết định đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

Mục 3

XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 16. Quy trình đề xuất, soạn thảo thông tư

1. Bộ trưởng phân công một đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo văn bản.
2. Trừ trường hợp thực hiện chỉ đạo bằng văn bản của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo phải báo cáo Thứ trưởng phụ trách và cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này trước khi trình Bộ trưởng chấp thuận chủ trương, trong đó:
 - a) Báo cáo xin phê duyệt chủ trương xây dựng thông tư phải làm rõ các nội dung sau: căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn; dự kiến Kế hoạch soạn thảo chi tiết; phân công, nguồn lực, tiến độ thực hiện; sự cần thiết thành lập Tổ soạn thảo (nếu có); dự kiến danh sách, số lượng, quy mô các đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản;
 - b) Đối với trường hợp đề xuất xây dựng thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn, báo cáo xin phê duyệt chủ trương phải bao gồm nội dung đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật;
 - c) Báo cáo xin phê duyệt chủ trương sau khi được đồng ý phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.
3. Trường hợp thành lập Tổ soạn thảo theo quy định điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất việc phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Tổ soạn thảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó tại quyết định thành lập.
4. Tổ soạn thảo quy định tại khoản 3 Điều này gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo là Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo là Tổ phó thường trực; đại diện Vụ Pháp chế; đại diện Văn phòng Bộ (trong trường hợp nội dung thông tư có chứa thủ tục hành chính, chế độ báo cáo); đại diện Vụ Tổ

chức cán bộ (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến chính sách về cán bộ, công chức, phân cấp, phân quyền); đại diện Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, thống kê); đại diện Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc ứng dụng, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo); đại diện Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số); Vụ Chính sách thương mại đa biên và Vụ Phát triển thị trường nước ngoài (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến nội luật hóa điều ước quốc tế về mà Việt Nam là thành viên thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương); đại diện Đảng ủy Bộ (trường hợp cấp có thẩm quyền có chỉ đạo cụ thể về quan điểm, chủ trương, phương hướng, yêu cầu); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học (nếu có).

5. Đơn vị thuộc Bộ quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, cá nhân là thành viên Tổ soạn thảo quy định tại khoản 4 Điều này chịu trách nhiệm về nội dung do mình đề xuất hoặc thực hiện theo phân công. Ý kiến tham gia của các cá nhân là ý kiến chính thức của cơ quan, tổ chức nơi công tác.

6. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

7. Trong quá trình soạn thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư bao gồm: Dự thảo tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Dự thảo thông tư; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (nếu có); Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư đối với trường hợp ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật theo Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Đối với dự thảo thông tư xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, hồ sơ dự thảo thông tư bao gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo thông tư; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo và tài liệu khác (nếu có);

b) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo thông tư trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử

của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của thông tư và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này và có thể lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thời hạn lấy ý kiến là 10 ngày kể từ ngày lấy ý kiến.

Đối với dự thảo thông tư ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện lấy ý kiến theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

d) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và tổ chức, cá nhân khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi Bộ trưởng ký ban hành thông tư. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội;

đ) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

8. Trong quá trình lấy ý kiến và truyền thông dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo kịp thời tổng hợp, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, Bộ trưởng về những vấn đề lớn còn ý kiến khác nhau.

Điều 17. Gửi hồ sơ để thẩm định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định bản điện tử và 01 bản giấy gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này đến đơn vị chủ trì thẩm định.

2. Đơn vị chủ trì thẩm định tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư do đơn vị chủ trì soạn thảo gửi để thẩm định. Trường hợp thành phần hồ sơ gửi thẩm định chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị chủ trì thẩm định đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định của đơn vị chủ trì soạn thảo;
- b) Các tài liệu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Thông tư này;
- c) Các tài liệu khác theo quy định (nếu có).

4. Thời hạn tổ chức thẩm định:

a) Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ trì thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư và không quá 10 ngày làm việc đối với nội dung dự thảo thông tư phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực;

b) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ trì thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư có nội dung được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 18. Tổ chức thẩm định dự thảo thông tư

1. Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đối với các dự thảo Thông tư do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo. Đối với các dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thì Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định đơn vị tổ chức thẩm định dự thảo thông tư.

2. Việc tổ chức thẩm định dự thảo thông tư phải được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định trừ các trường hợp sau:

- a) Thông tư xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn;
- b) Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- c) Thông tư không có quan điểm và nội dung về những vấn đề cơ bản còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

3. Trường hợp không thẩm định thông qua hội đồng thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định có thể tự thẩm định; tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

4. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì thẩm định báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách mời đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học, đại diện đối tượng chịu tác động trực tiếp tham gia thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

5. Trong trường hợp thẩm định thông qua hội đồng thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm đề xuất thành phần, cơ cấu hội đồng thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực công tác ký ban hành quyết định thành lập hội đồng thẩm định. Thành phần hội đồng thẩm định gồm ít nhất các thành viên sau: Chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện các đơn vị trong Bộ quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này, đại diện các đơn vị ngoài Bộ có liên quan, đại diện Đảng ủy Bộ, thư ký hội đồng thẩm định.

Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi kết thúc cuộc họp hội đồng thẩm định.

6. Việc tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định phải được ghi nhận tại biên bản cuộc họp thẩm định.

Đơn vị chủ trì thẩm định gửi tài liệu họp thẩm định đến các thành viên tham gia thẩm định chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức thẩm định. Trường hợp thẩm định khẩn cấp theo chỉ đạo bằng văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ thì thời hạn gửi tài liệu họp, tổ chức họp, gửi ý kiến thẩm định trên cơ sở đề nghị của đơn vị chủ trì soạn thảo.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham gia thẩm định nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn của mình và có thể tham gia ý kiến về các nội dung khác khi thấy phù hợp. Ý kiến của người tham gia thẩm định theo phân công của cơ quan, tổ chức là ý kiến đại diện của cơ quan, tổ chức đó.

Trường hợp không thể tham gia cuộc họp của hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, thành viên hội đồng thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định phải gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến đơn vị chủ trì thẩm định. Ý kiến bằng văn bản gửi đến trước cuộc họp thẩm định được trình bày công khai tại cuộc họp thẩm định và ghi nhận tại biên bản cuộc họp thẩm định.

Biên bản họp thẩm định phải thể hiện đầy đủ ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 7 Điều này và được lập sau cuộc họp của hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định trên cơ sở sự thống nhất của các thành viên tham gia.

7. Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành thông tư; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của thông tư;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với chủ trương, đường lối của Đảng;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

8. Nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện thẩm định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đối với thông

tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, nội dung thẩm định không bao gồm các nội dung quy chuẩn kỹ thuật đã được thẩm định, thẩm tra theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Điều 19. Báo cáo thẩm định

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo. Trường hợp thông tư có nội dung lớn, phức tạp, sau thẩm định còn nhiều ý kiến khác nhau thì thời gian hoàn thành báo cáo thẩm định để gửi đơn vị chủ trì soạn thảo là chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại báo cáo thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư.

3. Trường hợp dự thảo thông tư còn ý kiến khác nhau giữa đơn vị chủ trì soạn thảo và ý kiến thẩm định, ý kiến của các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu tác động hoặc có liên quan trực tiếp của văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách hoặc Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc tổ chức họp với các đơn vị liên quan để thảo luận, thống nhất trước khi thực hiện Điều 20 Thông tư này.

Điều 20. Trình tự xem xét, ký ban hành thông tư

Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng hồ sơ dự thảo thông tư để ký ban hành. Hồ sơ bao gồm:

1. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này đã được lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo ký, đóng dấu (nếu có). Trong đó, dự thảo thông tư phải gửi 02 bản giấy, trong đó có 01 bản có chữ ký tắt của lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo tại tất cả các trang của dự thảo thông tư;

2. Báo cáo thẩm định;

3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;

4. Bản tổng hợp ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Chương IV

PHÁT HÀNH, ĐĂNG TẢI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Phát hành thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo

1. Sau khi thông tư, thông tư liên tịch được Bộ trưởng ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Văn phòng Bộ 02 bản giấy đã được ký, trong đó có 01 bản có chữ ký tắt của lãnh đạo đơn vị tại tất cả các trang của dự thảo Thông tư kèm

theo bản điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử so với bản chính của thông tư, thông tư liên tịch.

2. Văn phòng Bộ vào sổ thông tư, thông tư liên tịch, đóng dấu, lưu trữ, nhân bản, gửi thông tư, thông tư liên tịch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo phần “Nơi nhận” của thông tư, thông tư liên tịch.

3. Văn phòng Bộ kiểm soát thời hạn có hiệu lực của thông tư, thông tư liên tịch trong quá trình phát hành đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 53 của Luật.

Điều 22. Đăng tải trên công báo điện tử, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Đăng tải trên công báo điện tử và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương:

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi thông tư, thông tư liên tịch (gồm: 01 bản giấy ghi rõ “Văn bản gửi đăng tải trên công báo điện tử” và bản điện tử) đến Văn phòng Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để đăng tải trên công báo điện tử; đồng thời gửi Báo Công Thương để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương;

b) Thông tư, thông tư liên tịch được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn phải được gửi đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo điện tử;

c) Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về việc không gửi hoặc gửi chậm, gửi không đầy đủ, chính xác văn bản để đăng tải trên công báo điện tử.

2. Đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp có thẩm quyền công bố hoặc ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế bản điện tử của văn bản quy phạm pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc”) để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng.

Chương V

TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 23. Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng và ban hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật;

b) Văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng cần thiết xây dựng kế hoạch triển khai thi hành theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó hoặc theo quyết định của Bộ trưởng.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, báo cáo Bộ trưởng xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Căn cứ kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Công Thương.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung của kế hoạch triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

3. Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí

a) Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi Chủ tịch nước ký lệnh công bố: Đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Văn phòng Chủ tịch nước về văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí theo quy định tại Điều 12 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

b) Đối với nghị định, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi được ban hành: Đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về văn bản quy phạm pháp luật chậm

nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi chung.

Nội dung văn bản cung cấp thông tin thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 25. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc hướng dẫn áp dụng thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành để báo cáo Bộ trưởng xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Hồ sơ báo cáo Bộ trưởng bao gồm các văn bản, tài liệu sau đây:

- a) Tờ trình hoặc Phiếu trình Bộ trưởng;
- b) Dự thảo văn bản về việc hướng dẫn áp dụng thông tư; bản chính hoặc bản sao của thông tư cần được hướng dẫn áp dụng;
- c) Văn bản đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan (nếu có);
- đ) Các tài liệu khác (nếu cần thiết).

3. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng đối với văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm rà soát nội dung cần hướng dẫn và báo cáo Bộ trưởng xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Hồ sơ báo cáo Bộ trưởng bao gồm các văn bản, tài liệu sau đây:

- a) Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều này;
- b) Dự thảo văn bản về việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; bản chính hoặc bản sao của văn bản quy phạm pháp luật cần được hướng dẫn áp dụng;
- c) Văn bản ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Các nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật.

5. Việc tiếp nhận, xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và việc đăng tải văn bản hướng dẫn được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

6. Các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 26. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

a) Xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch kiểm tra hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Đầu mỗi tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc kiểm tra văn bản quy định tại khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Thực hiện kiểm tra văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, chính quyền địa phương cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý không có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

d) Tổ chức thực hiện tự kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành; văn bản hướng dẫn văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành về ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ:

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế trong công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật, đồng thời gửi kết quả kiểm tra cho Vụ Pháp chế để theo dõi;

c) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản quy định tại khoản 4 Điều 63 của Luật do Bộ trưởng ban hành bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản đó có trách nhiệm rà soát, giải trình cụ thể và báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định;

d) Báo cáo công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Vụ Pháp chế.

3. Việc kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 63 của Luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế là đầu mối đơn đốc, phối hợp, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Bộ Công Thương.

2. Vụ Pháp chế xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Công Thương quy định tại khoản 2 Điều 64 của Luật điều chỉnh những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị mình; xây dựng và trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 28. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế làm đầu mối tiếp nhận truy cập Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân theo tài khoản do Bộ Tư pháp cấp quyền để phân loại, tiếp nhận, chuyển xử lý phản ánh đến đơn vị có trách nhiệm tham mưu để xử lý.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật hiệu quả, đúng yêu cầu và tiến độ và chịu trách nhiệm đối với nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị;

b) Khi được yêu cầu phối hợp trả lời phản ánh, kiến nghị, đơn vị liên quan có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn, nội dung rõ ràng; không trả lời chung chung, thiếu trách nhiệm hoặc né tránh trách nhiệm; trường hợp không trả lời hoặc trả lời không đúng thời hạn thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Điều 29. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật:

a) Vụ Pháp chế thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hợp nhất của Bộ trưởng Bộ Công Thương trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Các đơn vị thuộc Bộ có tổ chức pháp chế thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hợp nhất của Bộ trưởng Bộ Công Thương do đơn vị mình chủ trì soạn thảo.

2. Việc thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng thời hạn, tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất theo quy định tại Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số 01/2012/UBTVQH13.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế trong việc thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo;

b) Gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc”) trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để Vụ Pháp chế thực hiện hợp nhất theo quy định; chịu trách nhiệm về việc không đảm bảo thời hạn thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp không gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành theo đúng quy định này.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày dẫn đến không thể thực hiện hợp nhất, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý theo quy định. Đơn vị có trách nhiệm thực hiện hợp nhất quy định tại khoản 1 Điều này tiếp tục thực hiện hợp nhất sau khi văn bản quy phạm pháp luật đã được xử lý và đảm bảo thực hiện hợp nhất được theo quy định.

5. Đăng tải văn bản hợp nhất trên công báo, cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thực hiện như sau:

a) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký xác thực, đơn vị thực hiện hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng

Chính phủ để đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và đăng công báo; gửi Vụ Pháp chế để thực hiện cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Đối với văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc văn bản quy phạm pháp luật liên tịch do Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký xác thực, đơn vị thực hiện hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Báo Công Thương để đăng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Chính phủ để thực hiện việc đăng công báo; gửi Vụ Pháp chế để thực hiện cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 30. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật:

a) Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền pháp điển của Bộ Công Thương trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Các đơn vị thuộc Bộ có tổ chức pháp chế thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền pháp điển của Bộ Công Thương do đơn vị mình chủ trì soạn thảo.

2. Việc thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng thời hạn, tính chính xác về nội dung, đúng quy trình, thủ tục và tuân thủ kỹ thuật pháp điển theo quy định tại Pháp lệnh Pháp điển Hệ thống quy phạm pháp luật số 03/2012/UBTVQH13.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế trong việc thực hiện pháp điển đối với văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo hoặc quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình;

b) Gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc”) trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật ban hành để Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển theo quy định và chịu trách nhiệm về việc không đảm bảo thời hạn thực hiện pháp điển văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp không gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành theo đúng quy định này.

Điều 31. Theo dõi, kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Vụ Pháp chế đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm

pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về tổ chức thi hành pháp luật trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thi hành pháp luật và kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Vụ Pháp chế tham mưu, giúp Bộ trưởng công tác tổ chức thi hành pháp luật đối với các đơn vị thuộc Bộ và công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

4. Công tác tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 32. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Vụ Pháp chế đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ vào mục đích, yêu cầu tại kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Bộ trưởng ban hành và quy định của pháp luật có liên quan, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong nội bộ đơn vị mình, kiểm tra người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

1. Trách nhiệm của đơn vị trong công tác xây dựng pháp luật:

a) Đảm bảo việc đề xuất xây dựng, soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy trình quy định tại Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo; truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; việc tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra;

c) Đối với những đơn vị có tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế, phải đảm bảo việc tham gia của tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Rà soát tiêu chuẩn, điều kiện để kiện toàn tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế của đơn vị, lập danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ;

đ) Phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

e) Thực hiện công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì xây dựng và phối hợp với Văn phòng Bộ trong các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính khác theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

g) Thực hiện báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, trong đó nêu rõ tên dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang chủ trì xây dựng, văn bản chỉ đạo của cấp trên giao xây dựng, kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, tiến độ soạn thảo tính đến thời điểm báo cáo gửi Vụ Pháp chế qua địa chỉ email: VPC@moit.gov.vn chậm nhất trước 11h00 thứ Sáu hằng tuần và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về báo cáo tiến độ văn bản của đơn vị mình;

h) Đảm bảo thông tư, thông tư liên tịch được gửi đầy đủ đến các cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra và đăng công báo điện tử theo quy định;

i) Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

k) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật theo quy định; chịu trách nhiệm về việc không đảm bảo thời hạn thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật trong trường hợp không gửi Vụ Pháp chế văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành theo đúng quy định tại Thông tư này;

l) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của đơn vị;

m) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 28 Thông tư này;

n) Xây dựng danh sách các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị làm cơ sở lựa chọn chuyên gia, nhà khoa học trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan sơ kết, tổng kết, xây dựng nội dung của Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương gửi Bộ Tư pháp để lập đề nghị của Chính phủ;

b) Tổ chức việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình tiến độ thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ và hằng năm; báo cáo tình hình ban hành văn bản do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng;

c) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ về tình hình, tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sau khi được phê duyệt;

d) Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo phân công của Bộ trưởng;

đ) Chủ trì thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị thuộc Bộ soạn thảo trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành; chịu trách nhiệm về việc đảm bảo thời hạn và chất lượng kết quả thẩm định thông tư mà đơn vị gửi đến;

e) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được gửi xin ý kiến;

g) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Bộ;

h) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ theo Kế hoạch do Bộ trưởng phê duyệt hoặc ban hành;

i) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

k) Chủ trì tổ chức việc kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng; đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trong Bộ trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

l) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng, thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực;

m) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý;

n) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

o) Tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ;

p) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật theo quy định;

q) Đầu mối tiếp nhận, chuyển phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật đến các đơn vị đơn vị để tham mưu, xử lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ;

r) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Có ý kiến đối với quyết định công bố thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

b) Kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính: Công khai thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận, phân công xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công thương quy định tại văn bản quy phạm pháp luật; chủ trì phân công các đơn vị chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

c) Kiểm soát thời điểm có hiệu lực của thông tư trong quá trình phát hành đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều 53 của Luật;

d) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong công tác tổ chức truyền thông đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

4. Trách nhiệm của Báo Công Thương:

a) Đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để lấy ý kiến, nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và gửi ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình hoặc thông báo cho đơn vị chủ trì soạn thảo trong trường hợp không nhận được ý kiến góp ý sau khi hết thời hạn lấy ý kiến;

b) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị báo chí, truyền thông khác trong công tác tổ chức truyền thông đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm của Tạp chí Công Thương:

Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị báo chí, truyền thông khác trong công tác tổ chức truyền thông chính sách, truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ

1. Trong công tác xây dựng pháp luật

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng đơn vị lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước;

b) Tham mưu, giúp Thủ trưởng đơn vị phối hợp với Vụ Pháp chế lập dự kiến chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ; đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

c) Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ;

d) Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các phòng, ban khác soạn thảo trước khi trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định việc đề nghị Vụ Pháp chế thẩm định;

đ) Phối hợp chuẩn bị hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trình Thủ trưởng đơn vị đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý hoặc đề nghị Vụ Pháp chế thẩm định;

e) Phối hợp với các phòng, ban liên quan giúp Thủ trưởng đơn vị góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan khác gửi lấy ý kiến;

g) Chủ trì hoặc tham gia vào quá trình hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo.

2. Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản do đơn vị chủ trì soạn thảo.

3. Theo dõi và đôn đốc tiến độ đối với các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo. Đầu mỗi báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật định kỳ hoặc theo yêu cầu của Vụ Pháp chế.

4. Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong đơn vị giúp Thủ trưởng đơn vị hoặc phối hợp với Vụ Pháp chế trong công tác kiểm tra, rà soát, hợp nhất, pháp điển, hệ thống hoá và xử lý văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của đơn vị.

Điều 35. Thi đua, khen thưởng

1. Việc thực hiện đúng tiến độ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch soạn thảo chi tiết được Lãnh đạo Bộ thông qua hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền và không trái với quy định của pháp luật là một trong những căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

2. Đơn vị được giao làm đầu mối về công tác thi đua, khen thưởng lấy ý kiến Vụ Pháp chế về tiến độ soạn thảo văn bản của các đơn vị thuộc Bộ khi tiến hành đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 36. Xử lý trách nhiệm

1. Bộ trưởng xem xét, xử lý trách nhiệm tập thể, người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Điều 68 của Luật.

2. Lãnh đạo Bộ được giao nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực được phân công mà để chậm tiến độ thì bị phê bình trong tập thể Lãnh đạo Bộ, trừ trường hợp đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Thông tư này.

Chương VII

ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC VÀ KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 37. Đảm bảo nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình bố trí công chức, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc, thông tin và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tổ chức, người làm công tác pháp chế được hưởng các cơ chế, chính sách cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

3. Việc điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức tại Bộ Công Thương trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật thực hiện theo chủ trương, quan điểm của cấp có thẩm quyền, quy chế có liên quan của Bộ Công Thương và theo quy định của pháp luật.

Điều 38. (được bãi bỏ)²**Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³****Điều 39. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2025, thay thế Thông tư số 21/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

2. Trường hợp các văn bản, tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

Vụ Pháp chế thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành thuộc thẩm quyền hợp nhất, pháp điển của Bộ trưởng Bộ Công Thương do các đơn vị thuộc Bộ không có tổ chức pháp chế soạn thảo trước khi Thông tư này có hiệu lực

² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 05/2026/TT-BCT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

³ Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 05/2026/TT-BCT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

1. Đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có trách nhiệm:

a) Bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động; chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động;

b) Sử dụng, quản lý kinh phí đúng quy định, đúng mục đích, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả;

c) Thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng định mức khoán chi theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này;

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

2. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách về tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này đến các đơn vị thuộc Bộ.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Thông tư này; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 38 Thông tư số 47/2025/TT-BCT quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

3. Trường hợp các văn bản, tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết./”

trong trường hợp đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đó chưa tổ chức thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật. Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về việc chậm thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực./

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 10 /VBHN-BCT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ Tư pháp;
- Q.Bộ trưởng (để báo cáo);
- Báo Công Thương (để đăng Công TTĐT Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC (02b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trương Thanh Hoài

